**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG**

**---o0o---**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

**TẠI VIỆT NAM**

**SINH VIÊN THỰC HIỆN : HỌ TÊN SV**

**MÃ SINH VIÊN : A12345**

**CHUYÊN NGÀNH : QUẢN LÝ**

**HÀ NỘI - 2013**

**MỤC LỤC**

[CHƯƠNG 1. ĐẶC ĐIỂM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 3](#_Toc94032036)

[1.1. Khái niệm 3](#_Toc94032037)

[1.2. Đặc điểm của hoạt động đầu tư phát triển 3](#_Toc94032038)

[CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 4](#_Toc94032039)

[2.1. Thực trạng về đầu tư phát triển và quản lý đầu tư ở Việt Nam 4](#_Toc94032040)

[2.1.1. Thực trạng về đầu tư phát triển 4](#_Toc94032041)

[2.1.2. Thực trạng về quản lý đầu tư 7](#_Toc94032042)

[2.2. Đánh giá thực trạng sự quán triệt các đặc điểm của đầu tư phát triển vào công tác quản lý hoạt động đầu tư ở Việt Nam 7](#_Toc94032043)

[2.2.1. Đánh giá sự quán triệt của đặc điểm thứ nhất 7](#_Toc94032044)

[2.2.2. Thực trạng chuẩn bị nguồn vốn đầu tư 7](#_Toc94032045)

[2.3. Xu hướng đầu tư, dự báo đầu tư Việt Nam đến năm 2010 8](#_Toc94032046)

**DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH ẢNH, ĐỒ THỊ**

[Biểu đồ 2.1. Tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP giai đoạn 2008 - 2012 4](#_Toc94032257)

[Ảnh 2.1. Công trình xây dựng vốn ODA 5](#_Toc94032229)

[Bảng 2.1. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép 1988 – 1998 8](#_Toc94032233)

[Hình 2.1. Xu hướng đầu tư, dự báo đầu tư vào Việt Nam đến 2010 8](#_Toc94032187)

# ĐẶC ĐIỂM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

## Khái niệm

- Đầu tư nói chung là sự hy sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm thu về các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã bỏ ra để đạt được các kết quả đó. Như vậy, mục tiêu của các công cuộc đầu tư là đạt được các kết quả lớn hơn so với những hy sinh về nguồn lực mà người đầu tư phải gánh chịu khi tiến hành đầu tư .

- Ba loại đầu tư :

* Đầu tư phát triển ;
* Đầu tư tài chính
* Đầu tư thương mại .

- Đầu tư phát triển tạo tiền đề tăng tích luỹ, phát triển hoạt động đầu tư tài chính và đầu tư thương mại. Ngược lại, đầu tư tài chính và đầu tư thương mại hỗ trợ và tạo điều kiện để tăng cường đầu tư phát triển.

- Đầu tư phát triển là bộ phận cơ bản của đầu tư, là việc sử dụng vốn trong hiện tại vào các hoạt động nào đó, là việc đánh đổi lợi ích trước mắt lấy lợi ích lâu dài nhằm tạo ra những tài sản mới, năng lực sản xuất mới, tạo thêm việc làm và vì mục tiêu phát triển.

## Đặc điểm của hoạt động đầu tư phát triển

Lao động cần sử dụng cho các dự án rất lớn, đặc biệt đối với các dự án trọng điểm quốc gia. Do đó, công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ cần tuân thủ một kế hoạch định trước, sao cho đáp ứng tốt nhất nhu cầu từng loại nhân lực theo tiến độ đầu tư, đồng thời, hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực do vấn đề “hậu dự án” tạo ra như việc bố trí lao động, giải quyết lao động dôi dư…

Thời kỳ đầu tư kéo dài. Thời kỳ đầu tư tính từ khi khởi công thực hiện dự án đén khi dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động. Nhiều công trình đầu tư phát triển có thời gian đầu tư kéo dài hàng chục năm. Do vốn nằm khê đọng trong suốt quá trình thực hiện đầu tư nên để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, cần tiến hành phân kỳ đầu tư, bố trí vốn và các nguồn lực tập trung hoàn thành dứt điểm từng hạng mục công trình, quản lý chặt chẽ tiến độ kế hoạch đầu tư, khắc phục tình trạng thiếu vốn, nợ đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

# THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

## Thực trạng về đầu tư phát triển và quản lý đầu tư ở Việt Nam

### Thực trạng về đầu tư phát triển

Về cơ bản, nước ta luôn giữ được mức độ tăng trưởng GDP cao trong hơn mười lăm năm qua. Trong đó hoạt động đầu tư phát triển đóng góp lớn vào sự tăng trưởng đó. Đặc biệt yếu tố vốn đầu tư ngày càng có đóng góp quan trọng. Đầu tư phát triển trong thời gian qua tăng cả về quy mô và tốc độ, tạo nguồn lực quan trọng cho phát triển sản xuất.

Biểu đồ 2.1. Tỷ lệ vốn đầu tư so với GDP giai đoạn 2008 - 2012

Thực hiện vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước tháng 7 năm 2008 ước đạt 8.593 tỷ đồng; tính chung 7 tháng ước đạt 47.680 tỷ đồng, bằng 48,6% kế hoạch năm. Một số Bộ có tỷ lệ thực hiện vốn đầu tư cao so với kế hoạch là Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đạt 60,5%; Bộ Công thương đạt 54,3%; Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt 52,0%; Bộ Y tế đạt 51,5%; trong khi đó Bộ xây dựng mới đạt 19,8%; Bộ Giao thông vận tải đạt 39,1%.

A picture containing text, water, sky, bridge

Description automatically generated

Ảnh 2.1. Công trình xây dựng vốn ODA

### Thực trạng về quản lý đầu tư

- Một con đường vừa xây xong đã bị đào lên để làm hệ thống nước, những viên gạch còn giá trị sử dụng nhưng lại được thay bằng một lớp gạch khác, mới hơn nhưng chưa chắc đã bền. Hay một cây cầu đang xây dang dở nhưng tạm dừng vì hết kinh phí dẫn đến hiệu quả sử dụng gần như bằng không.

- Đấy là những câu chuyện gắn liền với đời sống hàng ngày của mọi người dân hiện nay. Một đồng vốn của Nhà nước bỏ ra, hiệu quả thu được bao nhiêu đều có thể được “cân đong” hợp lý nếu cơ chế quản lý, cách nghĩ và hành động dựa trên những nguyên tắc và nguyên lý khoa học và vì lợi ích toàn dân.

## Đánh giá thực trạng sự quán triệt các đặc điểm của đầu tư phát triển vào công tác quản lý hoạt động đầu tư ở Việt Nam

### Đánh giá sự quán triệt của đặc điểm thứ nhất

Hiện nay khả năng thu hút và tạo lập vốn của nền kinh tế nước ta đã được nâng lên rất nhiều. Trước đây, nền kinh tế kế hoạch tập trung quan liêu bao cấp các doanh nghiệp nhà nước chiếm hầu hết các ngành chủ chốt của nền kinh tế nhưng lại làm ăn không hiệu quả, luôn xảy ra tình trạng thua lỗ.

### Thực trạng chuẩn bị nguồn vốn đầu tư

| **Năm** | **Tổng số DA** | **Đầu tư/ DA** | **Trung bình** | **Vốn góp** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nước ngoài** | **Trong nước** |
| **Tổng số** | **9810** | **99596,2** | **43129,0** | **36413,7** | **6715,3** |
| 1988 | 37 | 341,7 | 258,7 | 219,0 | 39,7 |
| 1989 | 67 | 525,5 | 300,9 | 245,0 | 55,9 |
| 1990 | 107 | 735,0 | 720,1 | 623,3 | 96,8 |
| 1991 | 152 | 1291,5 | 1072,4 | 883,4 | 189,0 |
| 1992 | 196 | 2208,5 | 1599,3 | 1343,7 | 255,6 |
| 1993 | 274 | 3037,4 | 1842,5 | 1491,1 | 351,4 |
| 1994 | 372 | 4188,4 | 2539,7 | 2030,3 | 509,4 |
| 1995 | 415 | 6937,2 | 3705,1 | 2857,0 | 848,1 |
| 1996 | 372 | 10164,1 | 3511,4 | 2906,3 | 605,1 |
| 1997 | 372 | 4188,4 | 2539,7 | 2030,3 | 509,4 |
| 1998 | 415 | 6937,2 | 3705,1 | 2857,0 | 848,1 |
| 1999 | 372 | 10164,1 | 3511,4 | 2906,3 | 1605,1 |

Bảng 2.1. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp phép 1988 – 1998

Như vậy, lượng vốn của người Việt Nam chuyển về nước cũng tăng đột biến và tương đương vốn FDI thực hiện cũng trong năm 2007.

Các nguồn huy động vốn.

- Thị trường chứng khoán.

- Hệ thống ngân hàng:

* Huy động vốn thông qua phát triển dịch vụ ngân hàng;
* Huy động tiền gửi tiết kiệm;
* Huy động vốn khác trên thị trường.

Tổng nguồn vốn huy động của các NHTM và tổ chức tín dụng trong toàn quốc đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 20% - 25%/năm trong 5 năm gần đây, gấp hơn 3 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế. Cụ thể năm 2000 vốn huy động của hệ thống ngân hàng tăng 26,5% so với năm trước, năm 2001 tăng 25,53%, năm 2002 tăng 17,7%.

## Xu hướng đầu tư, dự báo đầu tư Việt Nam đến năm 2010

Hình 2.1. Xu hướng đầu tư, dự báo đầu tư vào Việt Nam đến 2010